

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày: 19-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh Nhì.

2. Bà Trương Thị Như Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử công ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. A, sinh ngày 18/12/1985; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C1 và bà M1; Có 01 người con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến nay. *Có mặt*

2. N, sinh ngày 15/6/2004; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C2 và bà M2; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 14/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 03 tháng 21 ngày tù về tội Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong. Bị cáo đang được tại ngoại. *Có mặt*

3. A1, sinh ngày 13/11/2002; Nơi cư trú: khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C3 và bà M3; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 05/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 20/02/2023 cho gia đình bảo lãnh. *Có mặt*

4. S, sinh ngày 03/7/2001; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C4 và bà M4; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 05/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 15 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2022 đến nay. *Có mặt*

5. K, sinh ngày 14/5/2005; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C5 và bà M5; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 16/12/2022 cho gia đình bảo lãnh. *Có mặt*

- Người đại diện cho bị cáo K: Ông C5; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, Kiên Giang - Cha ruột bị cáo. *Có mặt*

- Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Ls - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

- Bị hại: Anh P, sinh năm 1988; cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18/6/2022, P đi đến cơ sở tôm giống TT của anh D, tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang để nhậu cùng với Đ1, D, H và A. Trong lúc nhậu thì P có hỏi A về việc A quen biết với bạn gái của P tên G “nghe nói anh quen con G hả”, A trả lời “Ừ có quen như bạn bè”, P hỏi tiếp “anh có biết G quen với tôi không”, A trả lời “Nếu em nói là bạn gái em thì anh không tới lui nữa, gái bây giờ quen tùm lum chứ đâu phải mình anh”. Lúc này giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, trong lúc cãi nhau P dùng tay đánh vào mặt của A một cái thì được mọi người can ngăn, P đi về nhà còn A được D đưa về.

Khi A chạy xe về đến cổng N thì gặp N, K, A1, S và một đôi tượng tên Kh (chưa rõ nhân thân lai lịch). Nhìn thấy mặt của A bị sưng nên N hỏi “đi đâu về vậy chú A”, thì A nói đi nhậu về bị người ta đánh và kể lại việc bị P (P hót tóc) đánh. Nghe vậy, nên N, K, A1 và S rủ A quay lại đánh P trả thù thì tất cả đều đồng ý. S, N và K chạy về ngôi nhà lá bỏ trống ở ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang lấy 03 cây dao tự chế và 01 cây chĩa 02 mũi, còn A cùng với A1 và Kh ngồi đợi ở cổng N. Khi S, K và N lấy hung khí xong quay lại thì tất cả cùng nhau đi tìm P đánh trả thù, A điều khiển xe chở N và A1, K điều khiển xe chở S và Kh, khi đến tiệm cắt tóc của P thì không thấy P trong tiệm nên cả nhóm điều khiển xe đi qua một đoạn rồi quay xe lại để tiếp tục tìm P. Lúc này, cả nhóm nhìn thấy P chạy vào tiệm cắt tóc đóng cửa lại, nên S, A1 và N mỗi người cầm 01 cây dao tự chế, Kh dùng chĩa xông vào đâm, chém nhiều cái vào người của P, sau đó cả nhóm chạy ra ngoài lên xe do A và K chờ sẵn tẩu thoát, trên đường về cả nhóm ném tất cả hung khí xuống sông. P được người dân đưa đi cấp cứu và nhập viện điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 566/TgT ngày 29/9/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng thái dương phải, vùng cổ sau bên trái, vùng cằm (sau gáy), bên phải (vết 1,2), vùng ngực phải, cẳng tay trái (vùng cổ tay) và ngón II, III, IV tay trái.

- Vết thương vùng vai trái gây mẻ đứt xương đòn trái, đã được điều trị hiện xương chưa liền và còn sẹo vai trái.

- Vết thương vùng khuỷu phải gây mẻ đứt lồi cầu ngoài xương cánh tay phải, đã được phẫu thuật điều trị, hiện xương chưa liền và còn sẹo khuỷu phải.

- Vết thương cẳng chân trái gây mẻ đứt xương chày trái, đã được phẫu thuật điều trị, hiện xương chưa liền và còn sẹo cẳng chân trái.

- Hiện tại vùng dưới cổ phía trước bên trái không có thương tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 25% (Hai mươi lăm phần trăm).

3. Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng thái dương phải, vùng ngực phải và ngón II, III, IV tay trái do vật có góc cạnh sắc gây nên.

- Thương tích vùng cổ sau bên trái, vùng cằm - cổ (sau gáy) bên phải, (vết 1,2) vùng vai trái, vùng khuỷu phải, cẳng tay trái (vùng cổ tay) và cẳng chân trái do vật sắc gây nên.

- Hiện tại vùng phía trước bên trái không có thương tích nên không có cơ sở kết luận vật gây thương tích...

Vật chứng của vụ án là 03 cây dao tự chế và 01 cây chĩa 02 mũi, sau khi gây án các bị can đã ném xuống sông phi tang, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không gặp

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKS-AM ngày 04/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo A về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); truy tố các bị cáo N, A1, S và K về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a và i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu và đề nghị:

Tuyên bị cáo A phạm tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tuyên bị cáo N, A1, S phạm tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; bị cáo A1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; bị cáo S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tuyên bị cáo K phạm tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bị hại, không ai yêu cầu gì thêm đề nghị không xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo K tranh luận:* Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, nhưng cần xem xét đối với bị cáo K khi phạm tội chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; do các bị cáo khác lôi kéo, rủ rê; bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại mà chỉ là người chở các bị cáo khác đi nên chỉ có vai trò thứ yếu; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại bãi nại; chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình cha mẹ ly hôn nên thiếu sự quan tâm, chăm sóc. Đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn bãi nại đề nghị không truy tố các bị cáo. Lời nói sau cùng của các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; ngày 18/6/2022 tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang đã dùng dao, chia là hung khí nguy hiểm, chém, đâm bị hại P nhiều cái vào nhiều nơi trên cơ thể, theo kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là 25%; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định mức phạt từ 02 năm đến 06 năm tù.

[3] Bị cáo N, A1, S, K và bị hại P không có mâu thuẫn gì trước, nhưng khi nghe bị cáo N rủ đi đánh để trả thù cho A thì cả nhóm đồng ý và đi lấy hung khí cùng nhau thực hiện hành vi gây thương tích cho P; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo lắng trong Nhân dân. Bị

cáo N là người khởi xướng để cả nhóm đi gây thương tích người khác nên phải có mức án cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo S, N và A1 có nhân thân không tốt, cụ thể: Bị cáo S ngày 05/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 15 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản; bị cáo N ngày 14/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 03 tháng 21 ngày tù về tội Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong; bị cáo A1 ngày 05/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Nhưng hành vi phạm tội trên của N và A1 tại thời điểm phạm tội dưới 18 tuổi nên bị cáo được coi không có án tích theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của S trong vụ án này thực hiện trước khi phạm tội Cường đoạt tài sản nên được xem là khi thực hiện chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần thấy rằng bị cáo A tự nguyện ra đầu thú; các bị cáo thành khẩn ki báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu; bị hại có đơn bãi nại đề nghị không truy tố các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K chưa thành niên nên được áp dụng quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

[5] Xét thấy, tình hình các thanh thiếu niên tụ tập băng nhóm nhỏ đánh nhau, gây rối trật tự công cộng trên địa bàn ngày càng nhiều; chuẩn bị hung khí tự chế, sẵn sàng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực; gây mất an ninh, trật tự địa phương, làm Nhân dân hoang mang, lo lắng. Do đó, cần xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Tuy bị cáo K khi thực hiện hành vi phạm tội chưa thành niên nhưng xét có tính chất côn đồ nên không thể cho bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của người bào chữa.

Đối với đối tượng tên Kh cùng thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, hiện nay chưa rõ lai lịch, nhân thân nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong; không ai yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố các bị cáo: A, N, A1, S và K phạm tội Cố ý gây thương tích .

1.1- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 12/11/2022.

1.2- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.3- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 25/2023/HS-ST ngày 05/5/2023 đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 Bản án là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 08/11/2022.

1.4- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 20/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.5- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 16/12/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3- Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo K, người bào chữa cho bị cáo K (dưới 18 tuổi) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người đại diện cho bị cáo;
- Người bào chữa;
- CA huyện An Minh;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAKG;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận